

THÔNG TIN THUỐC THÁNG 10 NĂM 2024

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG THUỐC CEFPIROM

1- Hoạt chất: Cefpirom 2 g

2- Chỉ định: nhiễm trùng gây bởi các vi khuẩn nhạy cảm với Cefpirom như:

- Nhiễm trùng hô hấp dưới.
- Nhiễm trùng đường tiêu trên và dưới có biến chứng.
- Nhiễm trùng máu.
- Nhiễm trùng ở bệnh nhân giảm bạch cầu và suy giảm miễn dịch.
- Nhiễm trùng da và mô mềm.
- Nhiễm trùng nặng ở bệnh nhân chăm sóc đặc biệt.

3- Liều dùng : liều dùng phụ thuộc vào mức độ nhiễm khuẩn, khả năng nhạy cảm của thuốc và thể trạng của bệnh nhân.

Người lớn với chức năng thận bình thường.

Chỉ định	Liều dùng 1 lần (g)	Khoảng cách giữa các liều (giờ)	Liều dùng hàng ngày (g)
Nhiễm trùng hô hấp dưới.	1-2	12	2-4
Nhiễm trùng đường tiêu trên và dưới có biến chứng	1	12	2
Nhiễm trùng máu.	2	12	4
Nhiễm trùng ở bệnh nhân giảm bạch cầu và suy giảm miễn dịch.	2	12	4

Nhiễm trùng da và mô mềm.	1	12	2
Nhiễm trùng nặng ở bệnh nhân chăm sóc đặc biệt.	2	12	4

Trẻ em: 50 mg/kg cân nặng cơ thể mỗi 8-12 giờ.

Bệnh nhân suy thận: Cefpirom được bài tiết chủ yếu qua thận, cần giảm liều trong suy thận. Ở những bệnh nhân có độ thanh thải creatinin dưới 50 ml/phút, liều dùng phải được điều chỉnh theo bảng sau:

Độ thanh thải Creatinin (ml/ phút)	Liều hằng ngày khi chức năng thận bình thường: 1g x 2 lần/ ngày	Liều hằng ngày khi chức năng thận bình thường: 2g x 2 lần/ ngày
50-20	Liều khởi đầu 1g, sau đó 0,5g x 2 lần / ngày	Liều khởi đầu 2g, sau đó 1 g x 2 lần / ngày
20-5	Liều khởi đầu 1g, sau đó 0,5g x 1 lần / ngày	Liều khởi đầu 2g, sau đó 1 g x 1 lần / ngày
<5	0,5 g x 1 lần/ ngày+ 0,25g ngay sau thẩm tách máu.	1 g x 1 lần/ ngày+ 0,5 g ngay sau thẩm tách máu.

Bệnh nhân lớn tuổi: nếu chức năng thận bình thường, không cần điều chỉnh liều.

4- Cách dùng:

- Tiêm tĩnh mạch: pha lọ thuốc trong 20 ml nước cất pha tiêm, tiêm tĩnh mạch chậm 3-5 phút.

- Truyền tĩnh mạch nhanh: pha lọ thuốc trong 100 ml nước cất pha tiêm, truyền tĩnh mạch 20- 30 phút. Có thể pha Cefpirom với các dung dịch tiêm truyền sau đây: Natri Clorid 0,9%, dung dịch Ringer, dung dịch điện giải chuẩn, dung dịch glucose 5% hoặc 10 %, dung dịch fructose 5%, dung dịch glucose 6%+ Natri clorid 0,9%.

- Không được pha thuốc trong dung dịch natri bicarbonat.

- Sau khi pha, dung dịch thuốc có thể được lưu trữ đến 6 giờ ở nhiệt độ phòng hoặc đến 24 giờ ở nhiệt độ 2-8 °C.

5- Chống chỉ định:

- Không dùng cho bệnh nhân quá mẫn với các kháng sinh nhóm Cephalosporin.
- Không dùng Cefpirom cho phụ nữ có thai và cho con bú.

6- Tương tác thuốc:

- Các kháng sinh cephalosporin có thể làm tăng tác dụng gây độc thận của các thuốc dùng chung (aminoglycosid, thuốc lợi tiểu quai), do đó cần lưu ý tương tác này có thể xảy ra với Cefpirom.

- Probenecid cạnh tranh bài tiết cephalosporin qua thận, do đó làm tăng nồng độ thuốc trong huyết tương.

-Coombs test dương tính giả có thể xảy ra.

- Xét nghiệm đường trong nước tiểu phải thực hiện theo phương pháp enzym trong quá trình sử dụng thuốc, nếu thực hiện phương pháp non- enzym có thể dẫn đến kết quả dương tính giả.

7- Tương kỵ: do không có các nghiên cứu về tính tương kỵ của thuốc, không trộn lẫn thuốc này với các thuốc khác.

Tài liệu tham khảo:

Hướng dẫn sử dụng ASTODE 2g của công ty SWISS PARENTERALS LTD.